TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2025.
V/v tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Dũ Quang;

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hai Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Không.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thanh N, sinh ngày 01/01/1977 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số: 094177013689; Ngày cấp: 09/7/2021; Nơi cấp: Cục QLHC về TTHX - Bộ Công an.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số: 094072011801; Ngày cấp: 09/01/2022; Nơi cấp; Cục QLHC về TTHX - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/11/2025 nguyên đơn là bà Trần Thanh N trình bày:

Bà Trần Thanh N và ông Trần Văn T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2015 tại UBND xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ). Chỉ sống chung trong thời ngắn thì bà Trần Thanh N và ông Trần Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Trần Thanh N và ông Trần Văn T đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà Trần Thanh N và ông Trần Văn T có 01 người con chung là Trần Thị Ngọc T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 23/12/2014. Hiện cháu T1 đang sống với bà Trần Thanh N.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Bà yêu cầu Tòa án giao con chung là Trần Thị Ngọc T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 23/12/2014 cho bà Trần Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu T1. Bà Trần Thanh N không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên những nội dung bà đã trình bày.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thanh N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2015, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Ông T biết việc bà N khởi kiện nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ông T không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo

lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 người con chung là Trần Thị Ngọc T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 23/12/2014. Hiện cháu T1 đang sống với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Riêng bị đơn không có ý kiến gì về con chung.

Xét thấy, con chung đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là Trần Thị Ngọc T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 23/12/2014 hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Thị Ngọc T1. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về T sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thanh N ly hôn ông Trần Văn T.

[2] Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ngọc T1 (giới tính: nữ), sinh ngày 23/12/2014 hiện đang sống với bà Trần Thanh N cho bà Trần Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Ngọc T1. Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Trần Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thanh N không yêu cầu.

[3] Về T sản chung: Do bà Trần Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Trần Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Trần Thanh N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005397 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, không nộp thêm. Ông Trần Văn T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- UBND phường Khánh Hoà, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình